TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 29 -11 - 2017
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thạch Thị Thuý Ái

2. Ông Tăng Phước Long

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 299/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02/10/2017 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Văn Kim P**, sinh năm 1990
Địa chỉ: 666, ấp A, xã B, Tp. H, Đồng Tháp.
Chổ ở hiện nay: 396, ấp C, xã D, Huyện L, Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh **Huỳnh Trọng D**, sinh năm 1992
Địa chỉ: 666, ấp A, xã B, Tp. H, Đồng Tháp.
Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/8/2017, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Văn Kim P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh D chung sống vợ chồng từ năm 2011, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 20/9/2011 tại UBND xã B,

thành phố H, Đồng Tháp. Trước khi kết hôn Chị P và anh D có tìm hiểu nhau khoảng một năm, sau khi kết hôn vợ chồng sống bên nhà anh D tại xã B, Tp. H.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến 5/2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D có quen người phụ nữ khác. Chị P phát hiện, có khuyên anh D, anh D có sửa đổi, nhưng anh không lo làm ăn, thậm chí cờ bạc thiếu nợ bên ngoài chị P phải đi làm để trả nợ thay cho anh D. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cải về chuyện tiền bạc, con cái, có khi còn xô sát nhau. Trầm trọng nhất là tháng 8/2015 chị P và anh D cự cải về chuyện tiền bạc, anh D đuổi chị P ra khỏi nhà, chị P giận nên bỏ về nhà mẹ ruột ở và sống ly thân anh D đến nay.

Nay Chị P nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, Chị P yêu cầu ly hôn anh D.

- Về con chung: Có 01 con tên Huỳnh Thuý Thuỳ D1, sinh ngày 06/12/2011 (hiện đang sống với anh D). Khi ly hôn, Chị P yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị P và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Huỳnh Trọng D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D thống nhất theo lời trình bày của chị P về thời gian chung sống, kết hôn, có tổ chức đám cưới. Trước khi kết hôn có quen biết tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng. Sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình anh D.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 5/2015 thì phát sinh mâu thuẫn do khi anh D bị bệnh nằm viện điều trị tại Bệnh viện đa khoa H, chị P không quan tâm, chăm sóc để anh D ở bệnh viện một mình. Sau đó bệnh anh D nặng hơn phải lên thành phố Hồ Chí Minh điều trị thì chị P cũng không quan tâm, để anh D tự lo một mình, khi hết bệnh do anh D buồn nên có quen người phụ nữ khác, chị P biết được có khuyên anh D và anh D thấy sai nên sửa đổi, nhưng do lúc anh D bệnh đã nghỉ việc ở công ty, không có thu nhập, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng gây gổ, cải vả, chứ không có xô sát nhau. Đến tháng 8/2015 anh D và chị P cự cải về chuyện tiền bạc, chị P tự ý bỏ về nhà mẹ ruột ở và sống ly thân anh D đến nay.

Nay anh D không còn tình cảm với chị P, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh D đồng ý ly hôn chị P.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Thúy Thùy D1, sinh ngày 06/12/2011 (hiện đang sống với anh D). Khi ly hôn anh D không đồng ý giao con cho Chị P nuôi, anh D yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh D và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

*** Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:**

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Văn Kim P. Chị Văn Kim P ly hôn anh Huỳnh Trọng D.

Về con chung : Bác yêu cầu của Chị P. Anh Huỳnh Trọng D được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Huỳnh Thúy Thùy D1, sinh ngày 06/12/2011. Chị Văn Kim P được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung : không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí : Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy chị P và anh D chung sống vợ chồng từ năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 20/9/2011 tại UBND xã B, Tp. H, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh D được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị P và anh D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không còn phù hợp nhau. Chị P cho rằng anh D cờ bạc, thiếu nợ bên ngoài thường xuyên gây gỗ đánh đập chị P, chị P cũng đã khuyên anh D nhiều lần nhưng anh không sửa đổi. Về phía anh D thừa nhận trong lúc anh bệnh chị P không quan tâm chăm sóc nên anh có suy nghĩ chưa sâu nên có cờ bạc, thậm chí có người phụ nữ khác bên ngoài. Nhưng khi chị P biết khuyên can thì anh có sửa đổi không còn cờ bạc và chấm dứt quan hệ với người phụ nữ đó, đến nay không còn liên lạc. Theo anh D chị P không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu ly hôn, anh D cũng đồng ý ly hôn chị P.

Tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân, không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hai bên không còn khả năng đoàn tụ nên chị P yêu cầu ly hôn anh D là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị P và anh D đều có nguyện vọng được nuôi con chung tên Huỳnh Thúy Thùy D1, sinh ngày 06/12/2011. Đồng thời cả hai anh chị cũng không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại Khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, ...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Tại Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

"3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở".

Xét thấy, sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn năm 2015, chị P đưa cháu D1về nhà cha mẹ ruột ở huyện L sống. Sau đó, khoảng 2-3 ngày anh D đến nhà mẹ vợ rước chị P và cháu D1 về nhà được khoảng vài tháng vợ chồng thỏa thuận lên thành phố Hồ Chí Minh làm thuê để cháu D1 lại cho ông bà nội chăm sóc, thời gian này chị P, anh D tiếp tục có mẫu thuẫn nên anh D bỏ về Sa Đéc, còn chị P ở lại thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Trong khoảng thời gian này chị P chỉ về thăm cháu D1 được vài lần. Nay chị P yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D1, vì chị P cho rằng anh D đi làm không có điều chăm sóc cho cháu D1 cũng như gia đình của anh D có một người em nuôi là em trai nên chị P không yêu tâm để cháu D1 cho anh D chăm sóc. Phía anh D không đồng ý chị P chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1, vì anh D cho rằng từ năm 2015 Chị P bỏ nhà đi, cháu D1 chỉ được hơn 03 tuổi thì gia đình anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến nay được 06 tuổi, hiện tại cháu vẫn được đi học như bao đứa trẻ khác.

Đối với việc chị P cho rằng anh D đi làm xa không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1 thì anh D đã khắc phục được bằng cách hiện tại anh D đã nghỉ làm ở thành phố Hồ Chí Minh và về Tp. H làm cho anh Nguyễn Tấn T để tiện việc chăm sóc cháu D1.

Vấn đề chị P trình bày trong gia đình anh D có người em nuôi tên Nguyễn Trọng P, hiện tại anh P cũng đã xin việc làm ở thành phố Hồ Chí Minh và không còn sống chung gia đình anh D nữa.

Mặc khác, tại phiên toà chị P trình bày thời gian chị làm ở thành phố Hồ Chí Minh thì cháu D1 sống với ông bà nội được chăm sóc tốt. Nhưng chị P cho

rằng điều kiện sống của gia đình anh D gần bãi rác, lò thiêu nếu cháu D1 sống ở đó sẽ ảnh hưởng sức khỏe. Tuy nhiên, qua đối chiếu tài liệu chứng cứ là giấy khám sức khỏe ngày 14/11/2017 tại Trung tâm y tế thành phố H kết luận hiện tại sức khỏe của cháu D1 bình thường. Do đó, việc chị P cho rằng cháu D1 sống chung anh D sẽ không đảm bảo về sức khỏe là không có căn cứ.

Hội đồng xét xử xét thấy không chỉ có anh D mới có quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1, mà anh chị đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng con chưa thành niên. Tuy nhiên việc xem xét giao con cho ai nuôi dưỡng thì cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Qua Toà án xác minh thu thập chứng cứ thể hiện cháu D1 sống với cha từ lúc 03 tuổi đến nay và hiện tại cháu D1 đang học tại Trường tiểu học N việc học tập cũng như sức khỏe của cháu vẫn bình thường, việc đưa đón cháu D1 khi đến trường thường là ông nội và anh D cha cháu D1.

Qua xác minh người làm chứng cũng xác định thấy anh D và gia đình anh D thường đưa đón cháu D1 đi học, chị P thỉnh thoảng có về thăm con và gia đình anh D tạo điều kiện cho chị thăm con. Như vậy, thể hiện cháu D1 đã sống ổn định với cha từ lúc 03 tuổi đến nay.

Về điều kiện công việc và mức thu nhập hiện tại của anh D cơ bản đủ để nuôi dưỡng cháu D1 ăn học. Hơn nữa, cháu D1 từ lúc sinh ra đã sống chung gia đình anh D và hiện cháu D1 đang sống ổn định với anh D tại nhà của anh D ở ấp A, xã B, Tp. H và anh D cũng đã cho cháu vào học tại Trường tiểu học N. Nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu D1. Do đó, nhằm giữ sự ổn định cho cháu D1 trong sinh hoạt và học tập. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu D1cho anh D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của anh D và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu D1. Chị P có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị P và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Văn Kim P nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Văn Kim P. Chị Văn Kim P và anh Huỳnh Trọng D ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

Anh Huỳnh Trọng D được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Huỳnh Thúy Thùy D1, sinh ngày 06/12/2011. Hiện con đang sống với anh D.

Anh Huỳnh Trọng D không yêu cầu chị Văn Kim P cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Văn Kim P có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị P và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí: Chị Văn Kim P nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, chị P đã nộp ngày 02/10/2017 theo biên lai thu số 01049 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố H được khấu trừ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND.TP H;
- THA.TP. H;
- Tòa án tỉnh ĐT;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kiều